

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN GIÁO DỤC MẦM NON**

(kèm theo Quyết định số 2139a/QĐ-ĐHSP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo (CTĐT)

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

CTĐT cử nhân Giáo dục Mầm non (GDMN) được xây dựng và tổ chức đào tạo từ năm học 2004-2005, đến nay đã trải qua 6 lần điều chỉnh. Hầu hết các học phần thuộc CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Việt bởi giảng viên (GV) của Trường ĐHSP-ĐHTN. Tháng 4/2019, CTĐT cử nhân GDMN đã được kiểm định và đạt chuẩn chất lượng quốc gia với xếp loại tốt.

Lần điều chỉnh năm 2022 nhằm mục đích phát triển, hoàn thiện chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo, nội dung, hình thức, phương pháp đào tạo và các yếu tố cơ bản khác nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của xu thế hội nhập, phát triển cấp học mầm non, nhu cầu người học và nhà tuyển dụng; đáp ứng chiến lược phát triển, sứ mạng, tầm nhìn của Khoa GDMN và Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên (ĐHSP-ĐHTN) trong lộ trình phát triển CTĐT đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của khu vực và quốc tế; đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo SV ngành GDMN và thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam theo Luật giáo dục.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Cử nhân Giáo dục mầm non
Tên chương trình (tiếng Anh)	PRESCHOOL EDUCATION
Mã ngành đào tạo:	7140201
Trường cấp bằng:	Trường ĐHSP-ĐHTN
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân Giáo dục mầm non/Bachelor of Childhood Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	132
Hình thức đào tạo:	Chính quy tập trung
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT: 132 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;

	- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tương đương với trình độ Bản chất theo Khung tham chiếu chung Châu Âu); - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin_IC3.
Vị trí việc làm:	Giáo viên tại các cơ sở GDMN, các trung tâm GDMN; Chuyên viên về GDMN tại các cơ quan quản lý giáo dục; Chuyên gia tư vấn, tham vấn về GDMN; Nghiên cứu viên về GDMN tại các cơ quan nghiên cứu giáo dục; GV tại các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non.
Học tập nâng cao trình độ:	Học thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành GDMN và chuyên ngành gần của ngành giáo dục học mầm non ở trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	CTĐT ngành GDMN của các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; CTĐT giáo viên mầm non của Trường Đại học quốc gia Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Úc.
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Tháng 10/2022

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân GDMN có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cơ sở GDMN, trung tâm giáo dục trẻ mầm non có nhu cầu đặc biệt, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non; làm tư vấn viên, chuyên viên GDMN tại cơ quan quản lý giáo dục và viện nghiên cứu; tự học, học tập sau đại học trong và ngoài nước; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Có kiến thức lý thuyết toàn diện về lý luận chính trị, các quy luật tự nhiên và xã hội; kiến thức nền tảng rộng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực giáo dục học mầm non để vận dụng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản lý trẻ em theo nhóm/lớp ở trường mầm non.

PO2. Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá kết quả hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản lý trẻ em; năng lực tư vấn GDMN và phát triển môi trường giáo dục, năng lực tự học, nghiên cứu khoa học GDMN và thích ứng nghề nghiệp.

PO3. Có kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non; kỹ năng làm việc nhóm; ứng dụng được công nghệ thông tin, tiếng Anh trong tự học, nghiên cứu khoa học, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đánh giá và quản lý trẻ em tại cơ sở GDMN.

PO4. Thực hiện đúng quy định đối với nhà giáo, có năng lực làm việc độc lập, trách nhiệm và sáng tạo trong giải quyết các vấn đề chuyên môn tại cơ sở GDMN; có năng lực học tập ở bậc sau đại học và học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo SV tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

** Kiến thức chung*

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

** Kiến thức chuyên môn*

PLO2: Phân biệt được nhiệm vụ, quyền của hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên và trẻ em theo Điều lệ trường mầm non.

PLO3: Phân tích được kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về sinh lý học trẻ em; dinh dưỡng, vệ sinh và phòng bệnh; tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non và quản lý GDMN; tư vấn GDMN; văn học trẻ em; hình thành biểu tượng toán; mỹ thuật và âm nhạc cho trẻ em mầm non.

PLO4: Sử dụng được kiến thức chuyên sâu về tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo chương trình GDMN.

4.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung*

PLO5: Thực hiện được hoạt động giao tiếp sư phạm mầm non; hoạt động tư vấn giáo dục trẻ mầm non.

PLO6: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đánh giá và quản lý trẻ em tại cơ sở GDMN.

PLO7: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

** Kỹ năng chuyên môn*

PLO8: Thiết kế và tổ chức hiệu quả hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở phạm vi nhóm/lớp theo chương trình GDMN.

PLO9: Thiết kế và sử dụng được công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ em; công cụ đánh giá kết quả lao động sư phạm của bản thân và đồng nghiệp.

PLO10: Tổ chức được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phát hiện và kịp thời ngăn ngừa nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN.

PLO11: Thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục, nghiên cứu sư phạm ứng dụng trong GDMN.

PLO12: Quản lý được nhóm/lớp theo quy định; xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống sư phạm trong quản lý trẻ em theo nhóm/lớp tại cơ sở GDMN.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO13: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường mầm non.

PLO14: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học suốt đời.

PLO15: Thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể, nhà trường về các nhiệm vụ được giao.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình (PO)	Chuẩn đầu ra														
	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên môn			Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011	PL012	PL013	PL014	PL015
PO1	x	x	x	x	x			x			x		x	x	x
PO2					x			x	x	x	x	x	x	x	x
PO3					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO4													x	x	x

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Mỗi học phần trong chương trình được sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau như: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, Elearning.

Phương pháp thuyết trình: Được sử dụng đối với phần kiến thức lí thuyết; Mục đích là giúp SV có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lí thuyết của học phần.

Phương pháp bài tập/thực hành: Được sử dụng đối với phần nội dung kiến thức bài tập/thực hành; Mục đích là vận dụng kiến thức học phần vào việc giải quyết vấn đề thực tiễn chuyên môn để hình thành, phát triển kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ GDMN; Hình thành năng lực tự chủ, trách nhiệm, phát triển khả năng tự học của SV.

Phương pháp seminar, thảo luận: Được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận; Mục đích là phát triển, mở rộng và khắc sâu kiến thức chuyên môn; rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói và tư duy logic để giải quyết nhiệm vụ học tập; Rèn luyện kĩ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm; năng lực tự chủ và trách nhiệm, nâng cao năng lực học tập suốt đời của SV.

Phương pháp E-learning: Được áp dụng đối với một số học phần; Mục đích là trao quyền chủ động nhất cho người học về không gian, thời gian và kiến thức; thích ứng quá trình đào tạo tiếp cận hiện đại trong bối cảnh hiện nay.

6.1.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- CTĐT được rà soát định kỳ 2 năm một lần để điều chỉnh, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Trong từng học kì, các bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi, chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nhằm nâng cao năng lực GV và đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Các học phần của chương trình đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng đào tạo, trách nhiệm và phẩm chất, năng lực thực hiện của GV để kịp thời điều chỉnh, khắc phục tồn tại (nếu có).

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

6.2.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các đánh giá trong khóa học.

6.2.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Số tín chỉ của học phần	Số điểm đánh giá quá trình			Tổng số đầu điểm quá trình
	Chuyên cần	Thường xuyên	Định kỳ	
2	1	1	1	3
3-4	1	1	2	4
5	1	1	3	5

- Trọng số điểm

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 20%, 30% trọng số điểm còn lại do Khoa quy định)

+ Thi kết thúc học phần: 50%

(Xây dựng thang đánh giá Rubrics liên kết giữa đánh giá - dạy - học gồm: Tiêu chí đánh giá về kiến thức, kỹ năng, năng lực; Mức độ thành tích đạt được; Mô tả việc đạt được các mức độ).

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục chung, 28 tín chỉ	Bắt buộc	26
		Tự chọn	2
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 51 tín chỉ	Bắt buộc	47
		Tự chọn	4
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, 46 tín chỉ	Bắt buộc	44
		Tự chọn	2
4.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, 7 tín chỉ	Bắt buộc	7
Tổng số			132

Khối Kiến thức giáo dục chung có 19 học phần, gồm: *Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương; Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2; Tiếng Anh 3; Tin học đại cương; Giáo dục thể chất 1; Giáo dục thể chất 2; Giáo dục thể chất 3; Giáo dục quốc phòng; Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành; Tiếng Việt thực hành; Môi trường và phát triển; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Văn hoá và phát triển.* Khối kiến thức chung giúp người học có kiến thức nền tảng về khoa học Mác Lê nin, khoa học xã hội, văn hoá và quản lý ngành; Rèn luyện thể lực, ý chí và khả năng biện luận về lý tưởng giai cấp khoa học trong xu thế hội nhập và phát triển.

Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở và kiến thức ngành) có 23 học phần, gồm: *Toán cơ sở; Tiếng Việt cơ sở; Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non; Tâm lý học mầm non; Âm nhạc cơ bản; Mỹ thuật cơ bản; Tự nhiên - Xã hội; Văn học trẻ em*

tuổi mầm non; Lô gíc đại cương; Đàn phím điện tử; Văn học dân gian; Dinh dưỡng trẻ em; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ; Giáo dục học mầm non 1; Giáo dục học mầm non 2; Phát triển chương trình GDMN; Giao tiếp sư phạm mầm non; Phương pháp nghiên cứu khoa học GDMN; Đánh giá trong GDMN; Đồ chơi; Giáo dục học gia đình; Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non; Tâm bệnh học lứa tuổi mầm non. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trang bị cho người học kiến thức nền tảng, chuyên sâu hiện đại về chuyên ngành GDMN, làm cơ sở để SV nghiên cứu các học phần nghiệp vụ sư phạm mầm non.

Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm có 20 học phần, gồm: Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non; Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non; Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non; Dạy múa cho trẻ mầm non; Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non; Tư vấn GDMN; Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh; Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học; Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non; Tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non; Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN; Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; Thực tập sư phạm 1; Thực tập sư phạm 2; Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non; Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non; Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non. Khối Kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp giúp cho người học nhận biết và vận dụng kiến thức tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non và phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo các lĩnh vực giáo dục phát triển vào tự kỉ và tổ chức, đánh giá kết quả các hoạt động tổ chức cho trẻ tại trường mầm non; phát triển các năng lực nghiệp vụ sư phạm quan trọng, cần thiết như năng lực nghiên cứu giáo dục, năng lực đánh giá; năng lực phối hợp các lực lượng trong giáo dục trẻ, năng lực tư vấn, tham vấn về GDMN. Qua đó SV được rèn nghề, phát triển các phát triển và năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của CTĐT và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp có 9 học phần, gồm: Tổ chức hoạt động khám phá - thử nghiệm cho trẻ mầm non; Phương pháp đọc, kể diễn cảm; Quản lý GDMN; Chuyên đề GDMN; Can thiệp sớm trẻ khuyết tật; Dạy học toán cho trẻ mầm non theo tiếp cận hiện đại; Các phương pháp giáo dục hiện đại; Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Khối kiến thức này giúp người học có kiến thức mở rộng về một số vấn đề mang tính thời sự, nội dung gắn với đổi mới và sự phát triển của chương trình GDMN hiện hành và sự phát triển GDMN hiện nay.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
1. Kiến thức giáo dục chung			28
Các học phần bắt buộc			26
1	55SPH131	Triết học Mác – Lênin	3
2	55SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	55SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2

4	55HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	55HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	55EDL121	Pháp luật đại cương	2
7	55ENG131	Tiếng Anh 1	3
8	55ENG132	Tiếng Anh 2	3
9	55ENG143	Tiếng Anh 3	4
10	55GIF131	Tin học đại cương	3
11	55PHE111	Giáo dục thể chất 1	
12	55PHE112	Giáo dục thể chất 2	
13	55PHE113	Giáo dục thể chất 3	
14	55MIE131	Giáo dục quốc phòng	
Các học phần tự chọn			2
15	55GME121	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	2
16	55EDE121	Môi trường và phát triển	2
17	55VIU121	Tiếng Việt thực hành	2
18	55VCF121	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2
19	55CDE121	Văn hóa và phát triển	2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			51
2.1. Kiến thức cơ sở			24
Các học phần bắt buộc			22
20	55BAM221	Toán cơ sở	2
21	55BAV221	Tiếng Việt cơ sở	2
22	55CHP231	Sinh lý học trẻ em (tuổi mầm non)	3
23	55CHP251	Tâm lý học mầm non	5
24	55MUS221	Âm nhạc cơ bản	2
25	55FIA221	Mỹ thuật cơ bản	2
26	55NAS231	Tự nhiên - Xã hội	3
27	55TLC231	Văn học trẻ em tuổi mầm non	3
Các học phần tự chọn			2
28	55GEL221	Lô gíc đại cương	2
29	55EBP221	Đàn phím điện tử	2
30	55FOL221	Văn học dân gian	2
2.2. Kiến thức ngành			27
Các học phần bắt buộc			25
31	55CHN331	Dinh dưỡng trẻ em	3
32	55DSC331	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	3
33	55INP331	Giáo dục học mầm non 1	3
34	55INP332	Giáo dục học mầm non 2	3
35	55CDP331	Phát triển chương trình GDMN	3
36	55PPC321	Giao tiếp sư phạm mầm non	2

37	55SRM321	Phương pháp nghiên cứu khoa học GDMN	2
38	55EPE331	Đánh giá trong GDMN	3
39	55PIB331	Đồ chơi	3
Các học phần tự chọn			2
40	55FAD321	Giáo dục học gia đình	2
41	55IOP321	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non	2
42	55PCP321	Tâm bệnh học lứa tuổi mầm non	2
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			46
Các học phần bắt buộc			44
43	55CHM431	Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non	3
44	55PEM431	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3
45	55MEM431	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3
46	55MOP431	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3
47	55DAM431	Dạy múa cho trẻ mầm non	3
48	55OAP431	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	3
49	55CIC421	Tư vấn GDMN	2
50	55MCA431	Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh	3
51	55MDL431	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3
52	55MCL431	Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3
53	55MMC441	Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	4
54	55MAP421	Tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non	2
55	55AIS421	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục MN	2
56	55GSR421	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2
57	55TRA421	Thực tập sư phạm 1	2
58	55TRA432	Thực tập sư phạm 2	3
Các học phần tự chọn			2
59	55EGP421	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	2
60	55EAH421	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2
61	55FPC421	Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	2
62	55PIB421	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	2
4. Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			7
Khoá luận tốt nghiệp			7
63	55TOG904	Khoá luận tốt nghiệp	7
Các học phần thay thế khóa luận			7
64	55EWC921	Tổ chức hoạt động khám phá, thử nghiệm cho trẻ mầm non	2
65	55MEC921	Phương pháp đọc, kể diễn cảm	2
66	55MOP931	Quản lý GDMN	3
67	55PES931	Chuyên đề GDMN	3
68	55CID921	Can thiệp sớm trẻ khuyết tật	2

69	55TMM921	Dạy học toán cho trẻ theo tiếp cận hiện đại	2
70	55MEM931	Các phương pháp giáo dục hiện đại	3
71	55ESP921	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2
Tổng cộng			132

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất			
Học kì 1		Học kì 2	
55SPH131	Triết học Mác – Lênin	55SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
55ENG131	Tiếng Anh 1	55ENG132	Tiếng Anh 2
55GIF131	Tin học đại cương	55PHE112	Giáo dục thể chất 2
55PHE111	Giáo dục thể chất 1	55CHP251	Tâm lý học mầm non
55EDE121	Môi trường và phát triển	55FIA221	Mỹ thuật cơ bản
55VIU121	Tiếng Việt thực hành	55NAS231	Tự nhiên - Xã hội
55VCF121	Cơ sở văn hoá Việt Nam	55GEL221	Lô gíc đại cương
55CDE121	Văn hóa và phát triển	55EBP221	Đàn phím điện tử
55CHP231	Sinh lý học trẻ em (tuổi MN)	55FOL221	Văn học dân gian
55MUS221	Âm nhạc cơ bản	55INP331	Giáo dục học mầm non 1
Năm thứ hai			
Học kì 3		Học kì 4	
55SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	55HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh
55ENG143	Tiếng Anh 3	55EDL121	Pháp luật đại cương
55PHE113	Giáo dục thể chất 3	55TLC231	Văn học trẻ em tuổi mầm non
55MIE131	Giáo dục quốc phòng	55PPC321	Giao tiếp sư phạm mầm non
55BAM221	Toán cơ sở	55SRM321	Phương pháp nghiên cứu khoa học GDMN
55BAV221	Tiếng Việt cơ sở	55PIB331	Đồ chơi
55CHN331	Dinh dưỡng trẻ em	55AIS421	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN
55INP332	Giáo dục học mầm non 2		
55FAD321	Giáo dục học gia đình		
55IOP321	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ MN		
55PCP321	Tâm bệnh học lứa tuổi MN		
Năm thứ ba			
Học kì 5		Học kì 6	
55HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	55MEM431	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non
55DSC331	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	55MOP431	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non

55CDP331	Phát triển chương trình GDMN	55DAM431	Dạy múa cho trẻ mầm non
55PEM431	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	55OAP431	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non
55MCA431	Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh	55MDL431	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non
55MCL431	Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	55MMC441	Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non
55MAP421	Tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non		
55TRA421	Thực tập sư phạm 1		
Năm thứ tư			
Học kì 7		Học kì 8	
55GME121	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	55TOG904	Khoá luận tốt nghiệp
55EPE331	Đánh giá trong GDMN	55EWC921	Tổ chức hoạt động khám phá, thử nghiệm cho trẻ mầm non
55CHM431	Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non	55MEC921	Phương pháp đọc, kể diễn cảm
55CIC421	Tư vấn GDMN	55MOP931	Quản lý GDMN
55GSR421	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	55PES931	Chuyên đề GDMN
55EGP421	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	55CID921	Can thiệp sớm trẻ khuyết tật
55EAH421	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	55TMM921	Dạy học toán cho trẻ theo tiếp cận hiện đại
55FPC421	Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	55MEM931	Các phương pháp giáo dục hiện đại
55PIB421	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	55ESP921	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2 = Đóng góp mức trung bình; 3 = Đóng góp mức cao)

[illegible]

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

[illegible]

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
		K T C	Kiến thức chuyên môn				Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
			P L 0 1	P L 0 2	P L 0 3	P L 0 4	P L 0 5	P L 0 6	P L 0 7	P L 0 8	P L 0 9	P L 1 0	P L 1 1	P L 1 2	P L 1 3	P L 1 4	P L 1 5
55GME121	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	1	2	1	1	1	1							1	1	1	1
55EDE121	Môi trường và phát triển			1	1	1									1	1	1
55VIU121	Tiếng Việt thực hành			2	2	2									1	1	1
55VCF121	Cơ sở văn hoá Việt Nam	1		1	1	1	1					1			1	1	1
55CDE121	Văn hóa và phát triển	1		1	1	1	1				1	1			1	1	1
55BAM221	Toán cơ sở			3	2	1	1		1						1		1
55BAV221	Tiếng Việt cơ sở			3	2	1	1		2	2					1	1	1
55CHP231	Sinh lý học trẻ em (tuổi mầm non)			3	2	1	1		1		1				1	1	1
55CHP251	Tâm lý học mầm non			3	3	1	1		2	1		1			0	1	1
55MUS221	Âm nhạc cơ bản			2	2	1	1		1	1					1	1	1
55FIA221	Mỹ thuật cơ bản			2	2	1	1		1	1					1	1	1
55NAS231	Tự nhiên - Xã hội			3	2	1	1		2			2			1	1	1
55TLC231	Văn học trẻ em tuổi mầm non			3	2	1	1		1	2					1	1	1
55GEL221	Lô gíc đại cương			3	2	1	1		1						1		1
55EBP221	Đàn phím điện tử			2	2	1	1		1	1					1	1	1
55FOL221	Văn học dân gian			2	1	1	1		2						1	1	1
55CHN331	Dinh dưỡng trẻ em			3	2		1		2		1		1			2	1
55DSC331	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ			3	2	1	1		1		3		1			1	1
55INP331	Giáo dục học mầm non 1		1	3	2	1	1							2	1	1	1
55INP332	Giáo dục học mầm non 2			3	1	1	1		2		2			2	1	1	1

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
		K T C	Kiến thức chuyên môn				Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
			P L 0 1	P L 0 2	P L 0 3	P L 0 4	P L 0 5	P L 0 6	P L 0 7	P L 0 8	P L 0 9	P L 0 10	P L 0 11	P L 0 12	P L 0 13	P L 0 14	P L 0 15
55CDP331	Phát triển chương trình GDMN			2	2	1	1		2	1	1			1	1		
55PPC321	Giao tiếp sư phạm mầm non			2	2	3			3		3		3	1	2	2	
55SRM321	Phương pháp nghiên cứu khoa học GDMN	2		2	1		1					3				2	
55EPE331	Đánh giá trong GDMN			3	2	1	1		2					1	1	1	
55PIB331	Đồ chơi			2	2	1	1		1		1			1	1	1	
55FAD321	Giáo dục học gia đình			2	2	1	1						2	1		1	
55IOP321	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non			2	2	1	1		2	1	1			1		1	
55PCP321	Tâm bệnh học lứa tuổi mầm non			3	3				2	1	3		2	1	1	1	
55CHM431	Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non			3	3	1	1		2	1	2			1	1	1	
55PEM431	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non			3	3	1	1		2	2	1		1	1	1	1	
55MEM431	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non			3	3	1	1		2	2	1		1	1	1	1	
55MOP431	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non			3	3	1	1		2	2	1		1	1	1	1	
55DAM431	Dạy múa cho trẻ mầm non			3	3	1	1		2	2	1		1	1	1	1	
55OAP431	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non			3	3	1	1		1	1				1		1	
55CIC421	Tư vấn GDMN			2	2	3					3		3	2	2	2	

[illegible]

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
		K T C	Kiến thức chuyên môn				Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
			P L 0 1	P L 0 2	P L 0 3	P L 0 4	P L 0 5	P L 0 6	P L 0 7	P L 0 8	P L 0 9	P L 0 10	P L 0 11	P L 0 12	P L 0 13	P L 0 14	P L 0 15
55EWC921	Tổ chức hoạt động khám phá, thử nghiệm cho trẻ mầm non			2	1	1	1		1	1			1			1	
55MEC921	Phương pháp đọc, kể diễn cảm			2	2	1	1		1	1	1	1	1	1		1	
55MOP931	Quản lý GDMN		2	3		1	1						1	1	1	1	
55PES931	Chuyên đề GDMN			2	3	1	1		2	2	2		1	1	1	1	
55CID921	Can thiệp sớm trẻ khuyết tật			3	2	1	1		1	1			1	1	1	1	
55TMM921	Dạy học toán cho trẻ theo tiếp cận hiện đại			2	2	1	1		1	1				1	1	1	
55MEM931	Các phương pháp giáo dục hiện đại			3	3	1	1		1	1					1	1	
55ESP921	Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non			2	2	1	1		1	2				1		1	

6. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số	Học phần	Số TC	Tóm tắt HP
I	Kiến thức giáo dục chung		28	
Các học phần bắt buộc			26	
1	55SPH131	Triết học Mác – Lênin	3	Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng những nguyên lý triết học của Chủ nghĩa Mác – Lênin, bao gồm các vấn đề về thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: Quan hệ biện chứng giữa vật chất, ý thức; hai nguyên lý, ba quy luật và sáu cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức. Học phần còn cung

				cấp những kiến thức cơ bản phản ánh quy luật vận động, phát triển của xã hội được thể hiện trong các nội dung: Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp và nhân loại; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin.
2	55SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của CácMác và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong CNTB hiện đại. Đồng thời, học phần còn tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.
3	55SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.
4	55HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

5	55HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cơ bản nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018. Chương 1 nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Chương 2, 3 nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1945 - 2018). Kết luận khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.
6	55EDL121	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của CTĐT. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.
7	55ENG131	Tiếng Anh 1	3	Học phần Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của CTĐT. Học phần cung cấp cho SV những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo SV có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.
8	55ENG132	Tiếng Anh 2	3	Học phần Tiếng Anh 2 là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của CTĐT; Học phần trang bị cho

				người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có “to”, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới; Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết đoạn văn ngắn 35-45 từ. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo SV có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.
9	55ENG143	Tiếng Anh 3	4	Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của CTĐT. Học phần Tiếng Anh 3 tiếp tục bổ sung cho SV lượng từ vựng về các chủ đề Ngôn ngữ và học tập; Du lịch và kỳ nghỉ; Lịch sử; Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi -ing và đuôi -ed; cấu trúc used to, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định, will, might. Ngoài ra, ở học phần này, SV tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản. Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng

				tiếng Anh cho SV ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.
10	55GIF131	Tin học đại cương	3	Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.
11	55PHE111	Giáo dục thể chất 1		Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của môn Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của môn Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người; Vai trò của việc tập luyện và thi đấu môn bơi lội trong các đại hội thể dục thể thao các cấp và đại hội Olympic. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp tay- chân- thở và hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.
12	55PHE112	Giáo dục thể chất 2		Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho SV không chuyên ngành TDTT Trường ĐHSP-ĐHTN. Học phần trang bị cho SV hiểu biết về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; phân tích được một số chấn thương thường gặp, cách phòng ngừa các chấn thương. Hình thành những kỹ năng kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp SV nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác

				phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.
13	55PHE113	Giáo dục thể chất 3		Học phần Giáo dục thể chất III (Tự chọn) dành cho SV không chuyên ngành TDTT Trường ĐHSP-ĐHTN. Học phần trang bị cho SV hiểu biết về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao đã lựa chọn ở học phần; thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; phân tích được một số chấn thương thường gặp, cách phòng ngừa các chấn thương. Hình thành những kỹ năng kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp SV nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.
14	55MIE131	Giáo dục quốc phòng		(Theo chương trình riêng)
Các học phần tự chọn			2	
15	55GME121	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	2	Học phần “Quản lý HCNN và quản lý ngành giáo dục-đào tạo” là học phần tự chọn trong CTĐT cử nhân quản lý giáo dục. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật...; quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục đào tạo) và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo; giúp SV nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục. Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: pháp luật đại cương, quản lý GDMN.
16	55EDE121	Môi trường và phát triển	2	Nội dung học phần môi trường và phát triển gồm các nhóm kiến thức cơ bản về môi trường, dân số, nhu cầu và hoạt động thoả mãn nhu cầu của con người, hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và các chính sách bảo vệ môi trường -

				phát triển bền vững. Các nội dung được đề cập ở mức độ bao quát trên thế giới và đi sâu phân tích ở phạm vi Việt Nam. Ngoài ra học phần cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa con người và môi trường; các hậu quả của bùng nổ dân số; ảnh hưởng của sự phát triển dân số đến môi trường; ảnh hưởng của xã hội hiện đại đến môi trường tự nhiên; hiện trạng ô nhiễm môi trường tự nhiên; mối quan hệ dân số, phát triển kinh tế - xã hội và tài nguyên thiên nhiên.
17	55VIU121	Tiếng Việt thực hành	2	Tiếng Việt thực hành (học phần tự chọn) được cấu trúc gồm 2 chương. Chương 1: Rèn luyện kỹ năng về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu. Chương 2: Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản. Học phần trang bị cho SV những kiến thức về: chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản. Trên cơ sở đó hình thành các kỹ năng cần thiết giúp người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động đọc, viết, nghe, nói.
18	55VCF121	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	Học phần trang bị cho SV những tri thức mang tính chất cơ bản, đặc thù của văn hóa Việt Nam. Học phần gồm có 3 chương, cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về văn hóa, văn hóa học và các vấn đề cụ thể như: định vị văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam; một số thành tố văn hóa; các vùng văn hóa Việt Nam... Từ đó giúp cho SV có ý thức trân trọng, giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.
19	55CDE121	Văn hóa và phát triển	2	Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, nhóm các học phần tự chọn, gồm ba chương. Chương 1. Mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển, trình bày một số khái niệm, phân tích mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển; vai trò, ảnh hưởng, tác động của văn hóa tới sự phát triển kinh tế, xã hội và ngược lại. Chương 2. Toàn cầu hóa văn hóa và đa dạng văn hóa ở Việt Nam, trình bày các đặc điểm của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa văn hóa và đa dạng văn hóa. Chương 3. Văn hóa và phát triển: chính sách và giải pháp, phân tích các chính sách về văn hóa và phát triển ở thế giới và Việt Nam, thảo luận về các giải pháp.

II		Kiến thức GD chuyên nghiệp	51	
Kiến thức cơ sở			24	
Các học phần bắt buộc			22	
20	55BAM221	Toán cơ sở	2	Học phần “Toán cơ sở” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở. Học phần cung cấp cho SV kiến thức nền tảng, khoa học về lý thuyết tập hợp, số tự nhiên và các phép toán trên tập hợp số tự nhiên; đại số tuyến tính, đại số véc tơ và hình học giải tích. Trên cơ sở đó, hình thành cho SV kỹ năng giải toán và vận dụng các kiến thức toán học để xác định nội dung hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non.
21	55BAV221	Tiếng Việt cơ sở	2	Học phần “Tiếng Việt cơ sở” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở, cung cấp cho SV những kiến thức về đặc điểm, phân loại, cách sử dụng các thành phần tiếng Việt như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách học; từ đó, rèn luyện cho SV kỹ năng sử dụng tiếng Việt thuần thục trong giao tiếp; thực hiện được kỹ năng sửa lỗi tiếng Việt và định hướng vận dụng kiến thức của học phần trong phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.
22	55CHP231	Sinh lý học trẻ em (tuổi mầm non)	3	Học phần “Sinh lý học trẻ em (tuổi mầm non)” thuộc khối kiến thức cơ sở, cung cấp cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về đặc điểm cấu tạo và chức năng sinh lý của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; các quá trình sinh lý, quá trình trao đổi chất, quá trình sinh trưởng và phát triển của cơ thể trẻ mầm non... Từ đó, học phần giúp SV sử dụng được kiến thức trong hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.
23	55CHP251	Tâm lý học mầm non	5	Học phần “Tâm lý học mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở, cung cấp cho SV những kiến thức toàn diện về trẻ em, tâm lý học trẻ em, quá trình hình thành, phát triển tâm lý trẻ em trong các giai đoạn, thời kỳ lứa tuổi; sự phát triển tâm - vận động ở trẻ em và sự phát triển tâm lý của trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Trên cơ sở đó, hình thành cho người học kỹ năng quan sát, phân tích diễn biến tâm lý trong chăm sóc và tổ chức các hoạt động phù hợp với từng lứa tuổi mầm non.

24	55MUS221	Âm nhạc cơ bản	2	Âm nhạc là một bộ môn nghệ thuật mà ở đó những ấn tượng của cuộc sống, tâm tư, tình cảm của con người được thể hiện bằng âm thanh. Các phương tiện diễn tả của âm nhạc bao gồm các yếu tố âm nhạc. Môn Âm nhạc cơ bản nghiên cứu các yếu tố đó cùng mối tương quan giữa chúng. Học phần tập trung vào một số vấn đề sau: Giải quyết những vấn đề cơ bản của âm nhạc như: Cao độ, Trường độ, Quãng, Điệu thức - Giọng, Hợp âm. Tìm hiểu và học hát một số bài hát trong chương trình GDMN.
25	55FIA221	Mỹ thuật cơ bản	2	Trọng tâm của học phần bao gồm 3 chương: Vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh. Học phần mỹ thuật cơ bản giới thiệu những kiến thức cơ bản nhất về nghệ thuật tạo hình, vận dụng kiến thức như luật xa gần, giải phẫu tạo hình, ký họa, kiến thức về màu sắc... để biểu hiện không gian ba chiều lên mặt phẳng hai chiều. Học phần mỹ thuật cơ bản góp phần nâng cao khả năng nhận thức thẩm mỹ cho SV, giúp SV có những kiến thức cơ bản về nghệ thuật của cái đẹp nói chung và vận dụng được nó vào trong cuộc sống cũng như quá trình công tác sau này. Học phần có mối quan hệ mật thiết với những học phần khác đặc biệt là học phần Đồ chơi, nó bổ sung cho người học kiến thức thẩm mỹ, phát triển tư duy ở người học một cách toàn diện.
26	55NAS231	Tự nhiên - Xã hội	3	Học phần “Tự nhiên- xã hội” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở, cung cấp cho SV kiến thức khoa học cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để vận dụng trong tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục ở trường mầm non. Kết quả nghiên cứu học phần giúp SV hoàn thiện kiến thức và năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.
27	55TLC231	Văn học trẻ em tuổi mầm non	3	Học phần “Văn học trẻ em tuổi mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở, cung cấp cho SV hệ thống tri thức khoa học về lý luận văn học và văn học trẻ em tuổi mầm non. Trên cơ sở đó, hình thành cho SV kỹ năng phân tích, lựa

				chọn và sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ ở trường mầm non.
Các học phần tự chọn			2	
28	55GEL221	Lô gíc đại cương	2	Học phần “Logic đại cương” là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho SV những kiến thức nền tảng, khoa học về logic đại cương và logic mệnh đề, trên cơ sở đó hình thành cho SV kĩ năng giải các bài toán logic và vận dụng kiến thức của logic học để phát triển khả năng tư duy logic và ứng dụng trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp của giáo viên mầm non.
29	55EBP221	Đàn phím điện tử	2	Đàn phím điện tử là một nhạc cụ không thể thiếu trong quá trình dạy học âm nhạc cũng như tổ chức các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non. Học phần trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về cấu tạo, cách sử dụng đàn phím điện tử; các bài tập luyện ngón cơ bản; cách vỡ bài và đàn được các bài hát trong chương trình mầm non; có kĩ năng đệm các bài hát trong chương trình mầm non.
30	55FOL221	Văn học dân gian	2	Học phần “Văn học dân gian” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho SV những kiến thức chuyên sâu về văn học dân gian để sử dụng trong thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non.
Kiến thức ngành			27	
Các học phần bắt buộc			25	
31	55CHN331	Dinh dưỡng trẻ em	3	Học phần “Dinh dưỡng trẻ em” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, nhằm cung cấp cho người học nội dung cơ bản về nhu cầu và nguyên tắc dinh dưỡng của trẻ em, cách xây dựng khẩu phần ăn và thực đơn, tổ chức dinh dưỡng, điều tra dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ ở trường mầm non. Trên cơ sở đó, người học biết cách ứng dụng trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non.
32	55DSC331	Phòng bệnh và đảm bảo an	3	Học phần “Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp cho SV kiến thức toàn diện, chuyên sâu về bệnh, phòng bệnh thường gặp ở trẻ em; vấn đề sử dụng thuốc, các kĩ thuật sơ cứu, phòng tránh

		toàn cho trẻ		và xử trí một số tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ mầm non, giúp SV hoàn thiện kiến thức và năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.
33	55INP331	Giáo dục học mầm non 1	3	Học phần “Giáo dục học mầm non 1” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Trên cơ sở cung cấp cho SV kiến thức nền tảng, khoa học về giáo dục học mầm non, học phần giúp SV hình thành kỹ năng lập kế hoạch giáo dục; tổ chức, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục, giao tiếp và xử lý tình huống sư phạm. Kết quả nghiên cứu học phần giúp SV hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.
34	55INP332	Giáo dục học mầm non 2	3	Học phần “Giáo dục học mầm non 2” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp cho SV những kiến thức chuyên sâu về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Trên cơ sở đó hình thành cho SV kỹ năng xây dựng và tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non. Kết quả nghiên cứu học phần giúp SV hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.
35	55CDP331	Phát triển chương trình GDMN	3	Học phần “Phát triển chương trình GDMN” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp cho SV kiến thức nền tảng về chương trình và phát triển chương trình GDMN, trên cơ sở đó phát triển kỹ năng thiết kế, tổ chức và đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục trẻ theo độ tuổi, tháng, chủ đề, tuần, hoạt động; kỹ năng phân tích, đánh giá và phát triển môi trường giáo dục nhà trường; môi trường giáo dục trẻ theo nhóm/lớp ở trường mầm non.
36	55PPC321	Giao tiếp sư phạm mầm non	2	Học phần “Giao tiếp sư phạm mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm và giao tiếp sư phạm mầm non. Trên cơ sở đó, người học hình thành và vận dụng các nguyên tắc, phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non để thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động chuyên môn của giáo viên mầm non.

37	55SRM321	Phương pháp nghiên cứu khoa học GDMN	2	Học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học GDMN” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Nội dung của học phần trình bày những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận, quan điểm tiếp cận, phương pháp nghiên cứu khoa học; các bước thực hiện công trình nghiên cứu khoa học giáo dục từ đó hình thành cho người học những kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học GDMN.
38	55EPE331	Đánh giá trong GDMN	3	Học phần “Đánh giá trong GDMN” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp cho SV kiến thức nền tảng, khoa học về đánh giá trong GDMN, trên cơ sở đó hình thành cho SV kỹ năng đánh giá sự phát triển của trẻ, đánh giá hoạt động sư phạm của giáo viên, đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục, đánh giá bản thân và đồng nghiệp theo chuẩn nghề nghiệp.
39	55PIB331	Đồ chơi	3	Học phần gồm trình bày: Lí thuyết về đồ chơi; khái quát về đồ chơi và cách phân loại đồ chơi. bồi dưỡng cho SV về cảm thụ thẩm mỹ bằng cách giúp SV biết kết hợp được chất liệu, màu sắc, đường nét... để tạo ra sản phẩm đẹp mắt, đáp ứng yêu cầu; Rèn luyện cho SV kỹ năng lựa chọn những chất liệu an toàn, bền chắc và đảm bảo vệ sinh; kỹ năng bảo quản đồ chơi cho trẻ trong trường mầm non; Các bài mang tính chất thực hành, bổ trợ kiến thức cho SV, giúp cho SV có kỹ năng làm một số đồ chơi đơn giản phục vụ cho dạy học của GV và hoạt động vui chơi của trẻ, hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ trong trường mầm non. Học phần có một vị trí quan trọng đối với SV SP mầm non, nó có sự liên quan trực tiếp đến nhiều học phần khác trong chương trình GDMN.
Các học phần tự chọn			2	
40	55FAD321	Giáo dục học gia đình	2	Học phần “Giáo dục học gia đình” là học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về khái niệm, chức năng của gia đình, vai trò, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục gia đình đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ lứa tuổi

				mầm non; các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục gia đình. Từ đó SV có cơ sở để xác định nội dung và biện pháp tư vấn có hiệu quả cho các bậc cha mẹ chăm sóc giáo dục con ở tuổi mầm non, có kỹ năng phối hợp với gia đình trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.
41	55IOP321	Tổ chức hoạt động GD theo hướng tích hợp cho trẻ MN	2	Học phần “Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non” là học phần thuộc khối kiến thức ngành. Học phần trang bị cho SV những kiến thức cần thiết để tổ chức tốt các hoạt động giáo dục cho trẻ theo hướng tích hợp; Hình thành kỹ năng thiết kế, lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp chủ đề. Trên cơ sở đó, giúp SV hình thành kỹ năng xây dựng môi trường hoạt động đảm bảo tính an toàn, phát triển nhằm kích thích hứng thú, trí tưởng tượng và sự sáng tạo của trẻ.
42	55PCP321	Tâm bệnh học lứa tuổi mầm non	2	Học phần “Tâm bệnh học lứa tuổi mầm non” là học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành. Nội dung của học phần giới thiệu những kiến thức về khái niệm tâm bệnh học trẻ em; lịch sử hình thành và phát triển của tâm bệnh học trẻ em; trẻ bình thường và trẻ bệnh lý; những lý thuyết cơ bản về tâm bệnh học trẻ em, phương pháp đánh giá tâm bệnh học trẻ em; vấn đề rối loạn, triệu chứng và chức năng; các hội chứng về tâm lý trẻ; cách phòng ngừa, chữa trị rối loạn tâm lý cho trẻ, cách xử lý rối nhiễu tâm lý cho trẻ tuổi mầm non.
III Kiến thức NVSP			46	
Các học phần bắt buộc			44	
43	55CHM431	Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non	3	Học phần “Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp kiến thức nền tảng, chuyên sâu về chăm sóc vệ sinh trẻ em; các giai đoạn phát triển của trẻ mầm non; tầm quan trọng và biện pháp chăm sóc vệ sinh các cơ quan và hệ cơ quan cho trẻ. Qua đó trang bị những kiến thức chung về giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non; hình thành các kỹ năng cơ bản thiết

				kế và tổ chức các hoạt động tích hợp giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ ở trường mầm non.
44	55PEM431	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ trong CTĐT cử nhân GDMN. Học phần này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Những vấn đề chung về giáo dục thể chất; Phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Cơ sở lý luận về phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Nội dung và hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.
45	55MEM431	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non trình bày những cơ sở lý luận cơ bản về dạy âm nhạc ở trường mầm non; Giới thiệu một số phương pháp cơ bản và hình thức tổ chức dạy học âm nhạc ở trường mầm non; Tổ chức cho người học áp dụng các phương pháp dạy học tích cực để thực hành soạn giáo án, tập giảng và tiếp cận phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc trong nhà trường mầm non.
46	55MOP431	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ trong CTĐT cử nhân GDMN. Học phần này giúp SV có kiến thức chuyên sâu về hoạt động tạo hình của trẻ mầm non và kỹ năng tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ theo chương trình giáo dục ở các độ tuổi.
47	55DAM431	Dạy múa cho trẻ mầm non	3	Học phần trình bày: Những vấn đề cơ bản về Nghệ thuật Múa, bồi dưỡng cho SV về cảm thụ thẩm mỹ, rèn luyện kỹ năng thực hiện các động tác và tổ hợp động tác múa để phát triển biên đạo thành các bài múa khác nhau; Vận dụng những kỹ năng và nguyên tắc biên đạo múa theo các chủ đề khác nhau. Học phần có một vị trí quan trọng đối với SV, rất cần thiết cho SV trong quá trình công tác và rèn luyện nghiệp vụ.
48	55OAP431	Tổ chức hoạt động vui chơi	3	Học phần “Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non” là học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho SV kiến thức, quan điểm khoa học về hoạt động vui

		cho trẻ mầm non		chơi và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non, từ đó rèn luyện cho SV phát triển kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá kết quả hoạt động vui chơi của trẻ mầm non; kỹ năng xây dựng sử dụng môi trường giáo dục trong tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non.
49	55CIC421	Tư vấn GDMN	2	Học phần “Tư vấn GDMN” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về hoạt động tư vấn GDMN: mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, quy trình, phương pháp, hình thức tổ chức, nhà tư vấn, đối tượng tư vấn, phương tiện tư vấn, kết quả tư vấn GDMN; trên cơ sở đó, hình thành cho SV kỹ năng tư vấn cần thiết trong hoạt động tư vấn GDMN.
50	55MCA431	Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh	3	“Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong CTĐT giáo viên mầm non. Học phần trang bị cho SV kiến thức chuyên sâu về tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ ở trường mầm non. Trên cơ sở đó, hình thành cho SV kỹ năng lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ ở trường mầm non; hoàn thiện cho SV phẩm chất nghề nghiệp.
51	55MDL431	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	Học phần “Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho SV những vấn đề lý luận về phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non, trên cơ sở đó, rèn luyện cho SV kỹ năng xây dựng, tổ chức, đánh giá các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Kết quả nghiên cứu học phần giúp SV hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.
52	55MCL431	Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3	Học phần “Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong CTĐT giáo viên mầm non. Học phần trang bị cho SV kiến thức chuyên sâu về tổ chức hoạt động làm quen tác phẩm văn học cho trẻ ở trường mầm non. Trên cơ sở đó hình thành cho SV kỹ năng lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả tổ chức hoạt động làm quen tác

				phẩm văn học cho trẻ ở trường mầm non; hoàn thiện cho SV phẩm chất nghề nghiệp.
53	55MMC441	Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	4	Học phần “Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho SV những kiến thức chuyên sâu về mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy trẻ làm quen với toán; trên cơ sở đó, hình thành cho SV kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá kết quả hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ ở trường mầm non.
54	55MAP421	Tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non	2	Học phần “Tổ chức ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Trên cơ sở cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về lễ hội Việt Nam và ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non, học phần giúp SV hình thành và phát triển kỹ năng biên soạn, dàn dựng và tổ chức, đánh giá kết quả tổ chức hoạt động ngày lễ, ngày hội cho trẻ ở trường mầm non; bồi dưỡng cho SV các phẩm chất nghề nghiệp.
55	55AIS421	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN	2	Học phần “Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho SV kiến thức nền tảng về ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN, từ đó giúp SV, sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft PowerPoint, violet, Kidsmart, Nutrikids và số phần mềm ứng dụng khác trong lập kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục và quản lý trẻ theo nhóm/ lớp ở trường mầm non.
56	55GSR421	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	Học phần “Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm” thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần củng cố cho SV những kiến thức cơ bản về các dạng hoạt động giáo dục; Cách thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho SV cách vận dụng kiến thức vào thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; Rèn kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá kết quả hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.

57	55TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	Học phần Thực tập sư phạm 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về chương trình và thực hiện chương trình giáo dục, công tác quản lý của Hiệu trưởng, giáo viên và các hoạt động của trẻ ở trường mầm non. Trên cơ sở đó giúp SV hình thành được kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non, hoạt động nhóm, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, tổ chức và đánh giá kết quả thực hiện hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; Rèn luyện các phẩm chất nghề nghiệp của người giáo viên mầm non.
58	55TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	Học phần "Thực tập sư phạm 2" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho SV các kiến thức chuyên sâu về chăm sóc, giáo dục và quản lý trẻ theo nhóm/lớp của giáo viên ở trường mầm non. Trên cơ sở đó, hình thành được cho SV kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non, ứng dụng công nghệ thông tin, lập kế hoạch tổ chức, đánh giá kết quả, thực hiện hoạt động chăm sóc, giáo dục, quản lý trẻ theo nhóm/lớp; Các phẩm chất nghề nghiệp của người giáo viên mầm non.
Các học phần tự chọn			2	
59	55EGP421	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	2	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp cho SV kiến thức nền tảng, quan điểm khoa học về giáo dục giới tính cho trẻ mầm non, học phần giúp SV hình thành, phát triển kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động tích hợp giáo dục giới tính cho trẻ mầm non. Trên cơ sở đó giúp SV hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.
60	55EAH421	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	Học phần "Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non" là học phần tự chọn trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về sinh thái và môi trường, vai trò của môi trường đối với hoạt động nhận thức của trẻ và đối với đời sống con người, qua đó trang bị những kiến thức chung về giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; hình thành các kỹ năng cơ bản thiết kế

				và tổ chức các hoạt động tích hợp giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non.
61	55FPC421	Hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	2	Học phần “Hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong CTĐT giáo viên mầm non. Học phần trang bị cho SV kiến thức chuyên sâu về tổ chức hoạt động hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non. Trên cơ sở đó hình thành cho SV kỹ năng lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả tổ chức hoạt động hình thành kỹ năng tiền đọc, viết cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non; hoàn thiện cho SV phẩm chất nghề nghiệp.
62	55PIB421	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	2	Học phần “Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho SV những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật; Trên cơ sở đó giúp SV thiết kế và tiến hành bài học hòa nhập có hiệu quả, sử dụng hiệu quả biện pháp hỗ trợ các nhóm trẻ khuyết tật trong trường mầm non.
IV	Khoá luận TN/Các học phần thay thế KLTN		7	
63	55TOG904	Khoá luận tốt nghiệp	7	Theo Quy định chung của Trường
Các học phần thay thế khóa luận			7	
64	55EWC921	Tổ chức hoạt động khám phá, thử nghiệm cho trẻ MN	2	Tổ chức hoạt động khám phá thử nghiệm cho trẻ mầm non là học phần thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp trong CTĐT giáo viên mầm non. Học phần trang bị cho SV kiến thức chuyên sâu về tổ chức hoạt động khám phá thử nghiệm cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non. Trên cơ sở đó hình thành cho SV kỹ năng lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả tổ chức hoạt động khám phá thử nghiệm cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non; hoàn thiện cho SV phẩm chất nghề nghiệp

65	55MEC921	Phương pháp đọc, kể diễn cảm	2	Học phần Phương pháp đọc, kể diễn cảm là học phần thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần cung cấp cho SV những vấn đề lý luận về đặc điểm, nhu cầu tiếp nhận tác phẩm của trẻ mầm non. Trên cơ sở đó, học phần giới thiệu những phương pháp hướng dẫn SV và trẻ đọc, kể diễn cảm; Rèn luyện cho SV kỹ năng đọc, kể diễn cảm và kỹ năng hướng dẫn trẻ đọc, kể diễn cảm một cách thành thục và hiệu quả những tác phẩm dành cho trẻ mầm non.
66	55MOP931	Quản lý GDMN	3	Học phần “Quản lý GDMN” thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Trên cơ sở cung cấp kiến thức nền tảng, khoa học về quản lý GDMN, học phần giúp SV hình thành một số kỹ năng quản lý nhóm/lớp, quản lý trường mầm non theo tiếp cận quản lý sự thay đổi. Kết quả nghiên cứu học phần giúp SV hoàn thiện năng lực sư phạm, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.
67	55PES931	Chuyên đề GDMN	3	Học phần Chuyên đề GDMN thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần cung cấp cho SV những kiến thức chuyên sâu về quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong GDMN, trên cơ sở đó giúp SV hình thành và phát triển kỹ năng xây dựng kế hoạch, môi trường, tổ chức và đánh giá kết quả tổ chức hoạt động giáo dục vận dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non.
68	55CID921	Can thiệp sớm trẻ khuyết tật	2	Học phần “Can thiệp sớm trẻ khuyết tật” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần cung cấp cho SV những kiến thức chuyên sâu về can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật và cách thức thực hiện can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật tại gia đình, trường mầm non. Qua đó, SV xác định được nhu cầu, lập được kế hoạch giáo dục cá nhân trong can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật, hỗ trợ gia đình có trẻ khuyết tật và hỗ trợ trẻ khuyết tật tại trường mầm non, đồng thời có kỹ năng tổ chức thực hiện can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật.
69	55TMM921	Dạy học toán cho trẻ theo	2	Học phần “Dạy học toán cho trẻ theo tiếp cận hiện đại” là học phần thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần cung cấp cho SV

		tiếp cận hiện đại		những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sử dụng các phần mềm, kỹ thuật sử dụng phương pháp đa hoạt động, trên cơ sở đó hình thành cho SV kỹ năng xây dựng, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy trẻ mầm non làm quen với toán theo tiếp cận hiện đại.
70	55MEM931	Các phương pháp giáo dục hiện đại	3	Học phần “Phương pháp giáo dục hiện đại” là học phần thuộc khối kiến thức thay thế khoá luận tốt nghiệp. Học phần cung cấp cho SV kiến thức nền tảng về phương pháp GDMN hiện đại, trên cơ sở đó hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng các phương pháp GDMN hiện đại vào thực tiễn giáo dục ở trường mầm non trong thiết kế, tổ chức và đánh giá kết quả vận dụng các phương pháp GDMN hiện đại.
71	55ESP921	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	Học phần Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non là học phần thuộc khối kiến thức thay thế khoá luận tốt nghiệp trong CTĐT giáo viên mầm non. Học phần trang bị cho SV kiến thức chuyên sâu về hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Trên cơ sở đó hình thành cho SV kỹ năng thiết kế, tổ chức và đánh giá kết quả tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non; hoàn thiện cho SV phẩm chất nghề nghiệp.
Tổng cộng			132	